

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 205/2018/DS-ST

Ngày 07 – 12 – 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Cúc.

2. Bà Trương Ánh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 336/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 800/2018/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Đ**, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C S, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông **Lâm Minh H**, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người làm chứng:

Bà **Đặng Thị B** (tên gọi khác: N C), sinh năm 1950 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện D, tỉnh Cà Mau.

Bà **Trương Thị A**, sinh năm 1978 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Đ trình bày: Bà và anh Lâm Minh H là chỗ quen biết, anh H có tham gia chơi hụi do bà làm đầu thảo và nhờ bà vay tiền dùm của người khác nhưng không trả. Đến nay anh H còn nợ bà tổng cộng số tiền 78.400.000 đồng (trong đó có 7.000.000 đồng là tiền nợ hụi, nhờ vay dùm của bà N C số tiền 34.000.000 đồng, ông V 5.000.000 đồng, bà A 10.000.000 đồng, tiền lãi đóng các khoản tiền vay dùm trên là 22.400.000 đồng). Khi giao tiền bà C, bà A giao tiền trực tiếp cho anh H, đối với số tiền vay của ông V thì bà nhận dùm và giao lại cho anh H. Anh H có viết giấy

đề ngày 06/01/2016 với nội dung có nợ tiền của những người bà vay dùm. Nay bà yêu cầu anh H trả lại cho bà số tiền 78.400.000 đồng.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Lâm Minh H trình bày:* Anh có tham gia chơi hụi do bà Đ làm đầu thảo và có vay tiền của bà Đ chứ không nhờ bà Đ vay tiền dùm của ai khác, bà Đ trực tiếp giao tiền vay cho anh chứ không phải bà A hay bà C giao tiền như bà Đ trình bày. Đối với tiền hụi anh tham gia chơi hụi do bà Đ làm đầu thảo thì anh đã thanh toán đầy đủ cho bà Đ và hụi này hiện nay cũng đã mãn vào năm 2013. Đối với số tiền 15.000.000 đồng anh vay của bà Đ vào năm 2012, trong quá trình vay vốn anh đóng lãi đầy đủ cho bà Đ nhưng không nhớ rõ số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu vì khi đóng lãi cho bà Đ anh không làm giấy tờ. Năm 2015 anh đã thanh toán cho bà Đ 7.500.000 đồng tiền vốn vay, còn lại số tiền 7.500.000 đồng đến nay chưa trả. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ, anh đồng ý trả tiếp cho bà Đ số tiền còn nợ lại là 7.500.000 đồng. Đối với giấy viết tay có đề ngày 06/01/2016 anh xác định là do anh viết nhưng thực tế anh không có nợ các khoản tiền như nội dung ghi trong giấy tay, mục đích viết là anh viết dùm cho bà Đ do bà N C đòi nợ bà Đ nên nhờ anh viết.

- *Tại biên bản ghi ý kiến bà Đặng Thị B (thường gọi N C) trình bày:* Trước năm 2016 giữa bà, bà Đ và anh H thường làm ăn chung với nhau, bà là người cho vay, bà Đ và anh H là người vay tiền nhưng sau đó đã trả xong, khi cho vay không làm biên nhận. Đến năm 2016 (không nhớ ngày tháng) bà Đ có hỏi vay của bà số tiền 34.000.000 đồng, bà Đ xác định là vay dùm cho H, khi giao tiền có đủ mặt 03 người là Bà, bà Đ và anh H, ngoài ra không còn ai khác, giao tiền tại nhà bà Đ, bà Đ là người hỏi vay, chịu trách nhiệm đóng lãi và trả nợ; bà giao tiền trực tiếp cho bà Đ, bà Đ mới đưa tiền lại cho anh H, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng, sau khi vay bà Đ có đóng lãi đến khi anh H bỏ đi làm ăn, bà Đ có đóng tiếp vài tháng thì ngưng nhưng không nhớ đóng được bao nhiêu tiền lãi, bà cam đoan lời trình bày của bà là đúng sự thật, nếu sai bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hiện bà Đ vẫn còn nợ tiền của bà nhưng để bà và bà Đ tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Nay bà Đ kiện anh H bà xác định không liên quan hay có yêu cầu gì nên xin vắng mặt.

- *Tại bản tự khai bà Trương Thị A trình bày:* Giữa bà và bà Hồ Thị Đ là chỗ quen biết, trước năm 2016 bà Đ có hỏi vay của bà số tiền 20.000.000 đồng không lãi suất, khi vay bà Đ xác định bà vay dùm cho H 10.000.000 đồng, vay cho bà Đ 10.000.000 đồng, thực tế giữa bà và anh H không quen biết. Tuy nhiên, bà Đ nhờ anh H đến nhận số tiền 20.000.000 đồng tại nhà của bà, bà là người trực tiếp giao tiền cho anh H nhận, số tiền này hiện nay bà Đ đã trả đủ cho bà nên bà không yêu cầu gì. Nay bà xin không tham gia tố tụng trong vụ án bà Đ kiện anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị đơn được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền: 78.400.000 đồng, gồm: 7.000.000 đồng là tiền nợ hui, nhờ vay dùm của bà N C (Đặng Thị B) 34.000.000 đồng, ông V 5.000.000 đồng, bà A 10.000.000 đồng, tiền lãi đóng các khoản tiền vay dùm trên là 22.400.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu anh H hoàn trả tổng số tiền 49.000.000 đồng. Gồm: Tiền vay dùm của bà B 34.000.000 đồng, ông V 5.000.000 đồng, bà A 10.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác. Xét thấy việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt của đương sự nên chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Đối với khoản tiền vay 15.000.000 đồng (trong đó 10.000.000 đồng vay của bà A, 5.000.000 đồng vay của anh V): Tại biên bản hòa giải cả nguyên và bị đơn đều thừa nhận thống nhất nhau là bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền vốn 15.000.000 đồng, không thể hiện giấy tờ và thời gian giao dịch và cũng phù hợp với lời trình bày của bà A nên Hội đồng chấp nhận khoản tiền vay này. Tuy nhiên, bị đơn xác định đã trả 7.500.000 đồng chỉ còn nợ 7.500.000 đồng, khi trả không làm giấy tờ, nguyên đơn không thừa nhận có trả khoản tiền này, bị đơn không chứng cứ chứng minh việc có trả 7.500.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn khoản tiền vay 15.000.000 đồng (1).

- Đối với khoản tiền vay 34.000.000 đồng, nguyên đơn xác định bà hỏi vay bà B (N C) dùm cho anh H, anh H không thừa nhận có nhờ bà Đ vay dùm. Tuy nhiên, tại giấy viết tay có đề ngày 06/01/2016 không ký tên có nội dung: “con còn thiếu thiếu năm 34.000.000 Ba mươi 4 triệu . . .” anh H xác định là do anh viết nhưng thực tế anh không có nợ các khoản tiền như nội dung ghi trong giấy tay, mục đích viết là do bà N C đòi nợ bà Đ nên bà Đ nhờ anh viết dùm, xét lời trình bày của anh H thiếu cơ sở chấp nhận, bởi lẽ, bản thân anh H cũng biết và nhận thức được nội dung ghi trong giấy là nợ người khác nhưng anh vẫn viết. Mặt khác, khoản tiền 34.000.000 đồng có nguồn gốc là từ bà B cho bà Đ vay, khi giao tiền có mặt bà B, bà Đ và anh H. Chính vì vậy trình bày của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, buộc bị đơn hoàn trả số tiền 34.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp (2).

Cộng hai khoản (1) (2) buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền là 49.000.000 đồng.

[4] Đối với việc bà Đ vay tiền của bà B, bà A, quá trình giải quyết vụ án bà B, bà A không yêu cầu để các bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với việc nguyên đơn có thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả khoản tiền hui 7.000.000 đồng, tiền lãi đóng dùm bị đơn 22.400.000 đồng. Xét thấy đây là sự tự nguyện và quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu này.

[7] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 217; Điều 219; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Lâm Minh H thanh toán cho bà Hồ Thị Đ số tiền vốn: 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bà Hồ Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lâm Minh H không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn kiện đòi bị đơn tiền hụi 7.000.000 đồng; tiền lãi đóng dùm 22.400.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Anh Lâm Minh H phải chịu 2.450.000 đồng (Chưa nộp).

+ Bà Hồ Thị Đ không phải nộp, ngày 20/9/2018 bà đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.960.000 đồng, tại biên lai số 0001379, được nhận lại khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Thị Thu